

Số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/8/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Duy Hiếu;
2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 164/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2020 về: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXX- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Chi H, sinh năm: 1986; địa chỉ cư trú: Tổ 09, ấp NT, xã AT, huyện TT;

Bị đơn: Ông Nguyễn Hòa B, sinh năm: 1975; cùng địa chỉ cư trú: Tổ 09, ấp NT, xã AT, huyện TT.

(Tại phiên tòa, bà H có mặt; ông B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 19/3/2020 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, bà Võ Thị Chi H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông B được hình thành là do tự tìm hiểu yêu thương nhau trước, cha mẹ hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2004. Hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 14/9/2011 tại UBND xã AT. Cuộc sống chung hạnh phúc được đến tháng 3/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông B bỏ bê vợ con, không chăm lo cho gia đình, chỉ lo cho cá nhân mình, khi làm được tiền ông tiêu xài riêng, mọi việc trong nhà do bà lo, nhưng bản thân bà chỉ mua bán nước giải khát nhỏ, nên không đủ chi

tiêu, còn ông B thì không hỏi han quan tâm đến, từ đó dẫn đến thường xuyên gây cãi và bà với ông B ly thân nhau khoảng 03 tháng nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, nên bà xin ly hôn với ông B.

Về quan hệ con chung: Bà với ông B có 02 con chung: 1/ Nguyễn Ngọc AA, sinh ngày: 12/12/2004; 2/ Nguyễn Ngọc TT, sinh ngày: 04/6/2011. Hiện cháu AA sống chung nhà cùng ông B, còn cháu TT thì sống với bà gần đó. Khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục nuôi hai con chung và không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà với ông B không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Bà với ông B không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho ông Nguyễn Hòa B để tham gia công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do.

Tại biên bản lời khai ngày 31/7/2020, ông B xác định tình cảm vợ chồng giữa ông với bà H không còn, ông đồng ý ly hôn với bà H và yêu cầu tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Ngọc AA, không yêu cầu cấp dưỡng; ông với bà B không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Tại phiên tòa lần hai, bà H bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông B có đơn xin vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Bà H – ông B chung sống có đăng ký kết hôn, xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai người thừa nhận có mâu thuẫn và không thể hàn gắn và cả hai đồng ý ly hôn. Về con chung, cháu AA và TT đều trên 07 tuổi, khi cha mẹ ly hôn ý nguyện cháu AA tiếp tục sống với cha, cháu TT tiếp tục sống với mẹ, phù hợp với yêu cầu của bà H – ông B; tài sản chung và nợ chung cả bà H – ông B xác định không có, nên đề nghị HĐXX công nhận thuận tình ly hôn giữa bà H – ông B và thỏa thuận về con chung giữa hai bên, về tài sản chung và nợ chung không đề cập giải quyết... Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bà H khởi kiện: “Tranh chấp ly hôn” với ông B, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông B có địa chỉ cư trú tại xã AT, huyện TT, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TT giải

quyết đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa lần hai, ông B có đơn xin vắng mặt, nên HĐXX xét xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H và ông B kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2004, hôn nhân có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo số 71/2011, tại UBND xã AT nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà H bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do ông B bỏ bê vợ con, không chăm lo cho gia đình, chỉ lo cho cá nhân mình, mọi việc trong nhà do bà lo.... ông B thì không hỏi han quan tâm đến, từ đó dẫn đến thường xuyên gây cãi và ly thân với ông B...

Qua trình bày của bà H, đối chiếu với các biên bản xác minh cùng ngày 31/7/2020 của Tòa án thể hiện: Vợ chồng bà H – ông B có mâu thuẫn từ hơn 01 năm nay, nguyên nhân là ông B nặng về tiền bạc, bởi ông B làm có tiền thì tự tiêu xài riêng, bà H là phụ nữ ngoài lo riêng còn lo nội trợ gia đình, khả năng tự lo có giới hạn, lâu ngày buộc bà hỏi vay bên ngoài thì ông B không hỏi han chia sẻ nên mâu thuẫn, khả năng hàn gắn giữa hai người là không thể...

Với những chứng cứ thu thập vừa nêu, cùng với lời khai của ông B đồng ý ly hôn với bà H tại biên bản ngày 31/7/2020, xét mâu thuẫn giữa bà H – ông B đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên công nhận thuận tình ly hôn giữa bà H – ông B.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy cháu Nguyễn Ngọc TT từ sau khi cha mẹ ly thân đến nay cháu sinh sống cùng bà H, còn Nguyễn Ngọc AA thì sinh sống cùng ông B. Cả hai có ý nguyện là sau khi cha mẹ ly hôn, cháu TT tiếp tục chung sống với mẹ, còn cháu AA tiếp tục chung sống với cha. Xét, để không xáo trộn về tâm sinh lý cũng như để hai cháu phát triển tốt về sau, HĐXX nghĩ nên giao cháu TT cho bà H nuôi, còn cháu AA cho ông B tiếp tục nuôi là hoàn toàn phù hợp.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên nuôi con có khó khăn thì có quyền yêu cầu cấp dưỡng, nhưng bà H – ông B không yêu cầu nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

Thông qua phiên tòa, HĐXX cũng giải thích cho bà H – ông B biết: Trong thời gian nuôi con, bà H – ông B cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông B – bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Bà H – ông B khai không có tài sản chung, không có nợ chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Chi H.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị Chi H với ông Nguyễn Hòa B.

Về quan hệ con chung: Bà Võ Thị Chi H được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc TT, sinh ngày 04/6/2011. Ông Nguyễn Hòa B tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Ngọc AA, sinh ngày 12/12/2004..

Công nhận tự nguyện của bà H – ông B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bà H – ông B cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông B – bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con qua lại nhau.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà H – ông B khai không có tài sản chung;

Về quan hệ nợ chung: Bà H – ông B khai không có nợ chung.

Về án phí: Bà Võ Thị Chi H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000211 ngày 08/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT (*bà H nộp đủ*).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/8/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND xã AT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ

